TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 22/01/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : ông Hoàng Ngọc Hưng
Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự
bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị P - Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Cao Thu P, sinh năm 1998; nơi cư trú: xóm 12, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

- **Bị đơn**: anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1993; nơi công tác: Công an xã L, huyện K, thuộc Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: xóm 9, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có đơn xin xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thu P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị (Cao Thu P) và anh Vũ Ngọc H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 04/3/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà ngay tại xã Q để sinh sống cho tiện công việc cả hai bên. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, theo chị P thì anh H thường xuyên uống rượu say, lại có tính gia trưởng, không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã có lần anh H đánh chị. Do không thể tiếp tục chung sống được cùng anh H, nên chị P lại về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 12, xã Q để ở và vợ chồng sống ly thân nhau. Tháng 7 năm 2023, chị P đã khởi

kiện xin ly hôn anh H, nhưng sau đó chị đã rút đơn hy vọng anh H thay đổi, nhưng anh H vẫn không thay đổi và tình cảm vợ chồng ngày càng tệ hơn và vẫn sống ly thân. Đến nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Ngọc H để hai bên còn ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: chị P và anh Hưng có 01 con chung là cháu Vũ Cao Thu T, sinh ngày 19/11/2022, hiện cháu đang ở cùng chị P. Khi ly hôn, do cháu T còn nhỏ, sống phụ thuộc vào mẹ nên chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng, tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị P yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị P thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị P thay đổi, đề nghị Tòa án buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị theo đơn khởi kiện và bản tự khai là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên

- Về tài sản chung và nợ chung: chị P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Vũ Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh H xác nhận phần trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian, địa điểm kết hôn như chị P trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bản thân anh H cũng xác nhận vợ chồng sống với nhau được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong chi tiêu kinh tế gia đình, anh H cũng xác nhận vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã có lần xảy ra xô sát. Hai bên gia đình biết chuyện, phía gia đình nhà anh thì vun vén, hòa giải cho vợ chồng; còn bố vợ anh (bố đẻ chị P) không những không vun vén mà còn có nhiều động thái chia rẽ tình cảm vợ chồng và bắt chị P phải ly hôn anh. Cụ thể tháng 7 năm 2023 chị P đã nộp đơn ra Tòa án huyện K, sau đó được Tòa án phân tích đúng sai, chị P đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi chị P rút đơn bản thân anh cố gắng để vợ chồng hòa hợp, nhưng phía gia đình chị P lại tìm mọi cách chia rẽ, thực tế vợ chồng vẫn sống ly thân nhau. Nay chị P xin ly hôn anh, anh mong chị P suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Về việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ đâu thì anh không biết, vì bản thân anh và gia đình đã tìm mọi cách để hàn gắn nhưng không được. Do công việc bận anh H xin vắng mặt tại phiên tòa, trường hợp chị P vẫn quyết tâm xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị P trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh được biết theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi phải được giao cho mẹ nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản và nợ chung: trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh và chị P tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, Công an xã L, huyện K cung cấp: anh Vũ Ngọc H hiện là Trung úy công an, đang làm việc tại Công an xã L thuộc Công an huyện K, với mức lương và phụ cấp là 11.500.000 đồng/tháng. Anh H có vợ là chị Cao Thị Thu P, sinh năm 1998 và có 01 người con chung. Qua thông tin đơn vị được biết vợ chồng anh H chị P có mâu thuẫn, nhưng thực tế anh H không báo cáo đơn vị. Nay Tòa án đến xác minh, đơn vị mới biết vợ chồng anh H đang giải quyết ly hôn tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa P xã Q, huyện K cung cấp: chị P là người địa P có kết hôn với anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1993; quê ở xã K, huyện Y hiện là cán bộ Công an xã L thuộc Công an huyện K vào tháng 03/2022 tại UBND xã Q. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị P thuê nhà sống tại xóm 12, xã Q. Quá trình chung sống do anh H và chị P đi làm suốt ngày nên địa P không nắm bắt được lý do mâu thuẫn của vợ chồng thế nào. Tuy nhiên, thời gian gần đây chị P về nhà bố mẹ đẻ cũng tại xóm 12, xã Q để ở, còn anh H sinh sống ở đâu địa P không biết. Qua thông tin cơ sở thì địa P được biết vợ chồng anh H, chị P xảy ra mâu thuẫn, không có biện pháp khắc phục, không tự giải quyết được nên đã làm đơn ra Tòa án để giải quyết ly hôn. Về con chung: anh H, chị P có 01 con chung là cháu Vũ Cao Thu T, sinh tháng 11 năm 2022, hiện cháu đang ở cùng chị P. Về thu nhập, thì anh H làm công an, còn chị P là giáo viên nên cả hai anh chị đều có thu nhập hàng tháng theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Cao Thu P ly hôn anh Vũ Ngọc H. Giao con chung là cháu Vũ Cao Thu T, sinh ngày 19/11/2022 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P theo quy định của pháp luật, anh H có quyền thăm nom con chung. Chị P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh H phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1993; nơi công tác: Công an xã L, huyện K, thuộc Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: xóm 9, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 16/01/2024, bị đơn anh Vũ Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Ngọc H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Thu P và anh Vũ Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2022 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa chị P và anh H chung sống với nhau một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống cũng như trong quản lý kinh tế gia đình, ngoài ra còn có mâu thuẫn giữa bố vợ và con rể. Mặt khác, anh H có tính gia trưởng, hay uống rượu, không quan tâm gì đến vợ con và đã có lần vợ chồng xảy ra xô sát, hiện tại vợ chồng vẫn sống ly thân nhau. Quá trình hòa giải anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, nhưng bản thân cả hai anh chị đều không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Cao Thu P được ly hôn anh Vũ Ngọc H là phù hợp.

[3] Về con chung*:* chị P, anh H có 01 con chung là cháu Vũ Cao Thu T, sinh ngày 19/11/2022. Hiện nay cháu đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân, khi ly hôn chị P có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị. Ý kiến anh H, trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh được biết con dưới 36 tháng tuổi phải được giao cho mẹ nuôi dưỡng, đây là quy định của pháp luật nên anh phải chấp hành, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị P theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của anh H phù hợp với yêu cầu của chị P về nuôi con chung. Như vậy, anh H cũng xác nhận khi ly hôn anh để chị P nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: giao con chung là cháu Vũ Cao Thu T, sinh ngày 19/11/2022 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị P yêu cầu anh Hưng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị P thay đổi, yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị là 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa chị P lại thay đổi, đề nghị Tòa án buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị là 2.000.000 đồng/tháng. Anh H không có mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh H có ý kiến trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng không đưa ra mức cụ thể. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do đó Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy chị P yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị là 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp, cần được chấp nhận. Do đó, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình thực tế tại địa P và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị P, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí*:* chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P, nên anh H phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thu P và anh Vũ Ngọc H.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Vũ Cao Thu T, sinh ngày 19/11/2022 cho chị Cao Thu P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: chị Cao Thu P phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005047 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị P đã nộp đủ. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND xã Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng